

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 01 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt
Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Mộng T, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, khóm Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Hữu V, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 73B, khóm A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Mộng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng T và anh Nguyễn Hữu V kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/8/2009. Hôn nhân giữa chị T và anh V được xây dựng trên cơ sở tự tình hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn phụ giúp gia đình. Chị T đã cố gắng chịu đựng, khuyên

nhũ anh V nhiều lần nhưng đã nhiều năm mà anh V không sửa đổi. Sự việc kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 5/2020 đến nay, thời gian sống xa nhau vợ chồng không có hàn gắn tình cảm.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị Nguyễn Mộng T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 15/4/2007. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phú Q, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2020, bị đơn anh Nguyễn Hữu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu V và chị Nguyễn Mộng T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/8/2009. Hôn nhân giữa chị T và anh V được xây dựng trên cơ sở tự tình cảm.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng cách nay khoảng 4 đến 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V thường xuyên uống rượu, công việc của anh V không ổn định nên không chăm lo được về kinh tế cho chị T và con chung. Vợ chồng không còn sống chung từ khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2020 đến nay, thời gian sống xa nhau anh V có tìm cách hàn gắn tình cảm với chị T nhưng không thành.

Nay anh V nhận thấy còn thương chị T nên anh V không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 15/4/2007. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết vợ chồng ly hôn, anh V đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn chị T đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn anh V chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Mộng T đối với anh Nguyễn Hữu V.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 15/4/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mộng T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Hữu V có địa chỉ tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hữu V được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Nguyễn Mộng T và anh Nguyễn Hữu V được xác lập vào năm 2006, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/8/2009 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh V vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, xa nhau thời gian dài nhưng cả hai đều không có ý định hàn gắn, không liên lạc nhau. Anh V không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh V có ý kiến là không đồng ý ly hôn với chị T và tại phiên tòa hôm nay anh V không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh V có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đã xa nhau thời gian dài nhưng không hàn gắn

tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có đoàn tụ cũng không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét con chung: Chị Nguyễn Mộng T và anh Nguyễn Hữu V có một con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 15/4/2007, hiện con chung đang sống với chị T. Tại phiên tòa, chị T tiếp tục yêu cầu nuôi con chung, anh V trình bày ý kiến đồng ý giao con chung cho chị T nuôi nhưng anh V không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Phú Q sống chung với chị T đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, sống với mẹ sẽ thuận lợi cho việc học tập và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Phú Q tại Văn bản ghi ý kiến ngày 06/11/2020. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 15/4/2007 là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V trình bày ý kiến không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh V không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị T trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không có nợ ai và không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; anh V trình bày ý kiến vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, anh V không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mộng T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu V.

Về con chung: Chị Nguyễn Mộng T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 15/4/2007, hiện con chung đang sống chung với chị T. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Chị T và anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0006787 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện B;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND thị trấn B, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ